

Bản án số: 86/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 26-12-2022

V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH TỈNH LONG AN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Ái Duy

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Phương

2. Bà Võ Thị Trong

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Thị Quê, Thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành tỉnh Long An.

Ngày 26 tháng 12 năm 2022 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 226/2022/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 10 năm 2022 về “tranh chấp ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 87/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 05 tháng 12 năm 2022, giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* Bà Trần Thu Th, sinh năm 1984. Địa chỉ: Ấp L, xã M, thị xã C, tỉnh T (có mặt).

- *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh Th, sinh năm 1978. Địa chỉ: Số 298/5, ấp V, xã D, huyện C, tỉnh L (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn khởi kiện đề ngày 18 tháng 10 năm 2022 và trong quá trình giải quyết, nguyên đơn bà Trần Thu Th trình bày:

Bà và ông Nguyễn Minh Th chung sống với nhau vào năm 2014 và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh L vào ngày 26/01/2015.

Sau ngày cưới, vợ chồng chung sống hạnh phúc được một thời gian thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 10/2021 đến nay. Nay tình cảm vợ chồng không còn, mục đích của hôn nhân không đạt được nên bà xin được ly hôn với ông Nguyễn Minh Th.

Về nuôi con chung: Bà và ông Th không có con chung

Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết

Về nợ chung: Không có nợ chung.

Ông Nguyễn Minh Th là bị đơn đã được Tòa án triệu tập họp lệ văn bản tố tụng nhưng ông Th vắng mặt không có lý do nên không có lời trình bày.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về thủ tục tố tụng: Bà Trần Thu Th có đơn khởi kiện yêu cầu ly hôn với ông Nguyễn Minh Th việc tranh chấp được quy định tại khoản 1 Điều 28 Bộ luật tố tụng dân sự. Ông Nguyễn Minh Th cư trú tại huyện C, tỉnh L nên Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Long An thụ lý giải quyết là đúng quy định tại điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Về thủ tục xét xử vắng mặt bị đơn: Ông Nguyễn Minh Th đã được Tòa án triệu tập họp lệ lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử căn cứ vào các Điều 227, 228 Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vắng mặt ông Th.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Bà Trần Thu Th và ông Nguyễn Minh Th tự nguyện kết hôn và có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã D, huyện C, tỉnh L theo giấy đăng ký kết hôn số 04/2015 ngày 26/01/2015 nên quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông Th là hôn nhân hợp pháp.

Qua lời khai trình của bà Th, quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, vợ chồng bất đồng quan điểm, thường xuyên cãi vã nhau nên cuộc sống vợ chồng không hạnh phúc, hiện vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ tháng 10/2021 đến nay. Ông Th Tòa án triệu tập họp lệ nhiều lần nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, thể hiện việc ông Th không có thiện chí hàn gắn tình cảm vợ chồng.

Xét thấy, quan hệ hôn nhân giữa bà Th và ông Th đã phát sinh mâu thuẫn, nhưng hai đương sự không có thiện chí hàn gắn lại, đã vi phạm nghiêm trọng quyền và nghĩa vụ của vợ, chồng làm cho hôn nhân lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Bà Th yêu cầu ly hôn với ông Th là có căn cứ, phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014, do đó Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu ly hôn của bà Th.

[3] Về nuôi con chung: Bà Th và ông Th không có con chung.

[4] Về chia tài sản chung: Bà Th trình bày không có tài sản chung.

Về nợ chung: Bà Th cam kết không có nợ chung.

[5] Về án phí: Nguyên đơn bà Trần Thu Th phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân sơ thẩm.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39, các Điều 227, 228, 271, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 của Ủy ban thường vụ Quốc hội, ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Cho ly hôn giữa bà Trần Thu Th và ông Nguyễn Minh Th.

2. Về án phí: Bà Trần Thu Th phải chịu 300.000 đồng án phí sơ thẩm, được khấu trừ số tiền tạm ứng án phí 300.000 đồng bà Th đã nộp theo biên lai thu số 0008159 ngày 28 tháng 10 năm 2022 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Long An.

3. Về quyền kháng cáo: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án; đương sự vắng mặt tại phiên tòa hoặc không có mặt khi tuyên án mà có lý do chính đáng thì thời hạn kháng cáo bản án 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc được thông đạt hợp lệ.

4. Bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Tòa án tỉnh LA;
- VKSND huyện;
- Chi cục THA dân sự huyện;
- Các đương sự;
- UBND xã D, huyện C, tỉnh L;
- Lưu (hồ sơ, án văn).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thị Ái Duyệt